

Số: 266/2020/QĐST-HNGĐ

Quận 8, ngày 06 tháng 5 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Điều 149, Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 108/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Lê Tuấn K, sinh năm 1989; Địa chỉ: Đường T, Phường B, Quận T, Thành phố H.

2. Bà Huỳnh Thị Kim N, sinh năm 1989; Địa chỉ: Đường T, Phường B, Quận T, Thành phố H.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 09 tháng 9 năm 2019, những nội dung các đương sự thỏa thuận được như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Tuấn K và bà Huỳnh Thị Kim N yêu nhau và đã đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 66/KH, Quyền số 01/2014, ngày 25/6/2014 tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận T, Thành phố H. Đến tháng đầu năm 2018, vợ chồng không còn hạnh phúc. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên ông K và bà N đã nộp đơn yêu cầu thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Các đương sự khai không có.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) ông Kiệt tự nguyện chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Tuấn K và bà Huỳnh Thị Kim N thuận tình ly hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 66/KH, Quyền số 01/2014, ngày 25/6/2014 tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận T, Thành phố H).

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, ông K tự nguyện chịu, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí ông K đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0012885 ngày 11/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Tp.Hồ Chí Minh. Ông K đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

#### **THẨM PHÁN**

**Bùi Thành Trung**